

**THÔNG BÁO**  
**Về việc thực hiện chế độ miễn giảm học phí cho sinh viên**  
**Học kỳ 1 năm học 2016-2017**

Căn cứ Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2016 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và xã hội hướng dẫn Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 về cơ chế thu quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021. Bãi bỏ Nghị định số 49/2010/NĐ-CP về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015 và Nghị định số 74/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

Nhà trường thông báo việc thực hiện chế độ miễn, giảm học phí đối với sinh viên hệ chính quy từ học kỳ 1 năm học 2016 - 2017 như sau:

**I. Đối tượng miễn, giảm học phí:**

**1. Đối tượng được miễn học phí:**

**Đối tượng 1:** Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8 năm 1945; con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; con của liệt sỹ; con của thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; con của bệnh binh; con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

**Đối tượng 2:** Sinh viên mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng, **tuổi không quá 22** (theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 136/2013/NĐ-CP đối với đối tượng được bảo trợ xã hội);

**Đối tượng 3:** Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

**Đối tượng 4:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

**Đối tượng 5:** Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn:

- **Danh sách 16 dân tộc rất ít người có dân số dưới 10.000 người gồm:** La Hủ, La Ha, Pà Thên, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô, Mảng, Cống, Cờ Lao, Bô Y, Si La, Pu Páo, Rơ Măm, BRâu, Ô Đu.

**- Vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn quy định tại các Quyết định dưới đây:**

- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
- Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
- Quyết định số 1049/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn;
- Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
- Các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
- Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

**2. Đối tượng được giảm học phí (70%):**

**Đối tượng 6:** Sinh viên là dân tộc thiểu số (không phải là dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Danh sách vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn:



- Quyết định số 539/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo gia đoạn 2013-2015;
- Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015;
- Quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc và miền núi vào diện đầu tư của Chương trình 135 và Quyết định số 130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc phê duyệt bổ sung thôn đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
- Quyết định số 495/QĐ-TTg ngày 08/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2405/QĐ-TTg ngày 10/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm 2014 và năm 2015.
- Các xã thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung huyện Nậm Nhùn tỉnh Lai Châu, huyện Nậm Pồ tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.
- Các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được quy định tại Phụ lục II ban hành theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư.
- Các quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc quy định mới về danh sách các xã đặc biệt khó khăn, thôn đặc biệt khó khăn (nếu có).

### 3. Đối tượng được giảm học phí (50%):

**Đối tượng 7:** Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

## II. Trình tự, thủ tục và hồ sơ:

**Đối tượng 1:** Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng

- Đơn đề nghị giảm học phí (theo mẫu);

- Bản sao trích lục giấy khai sinh;
- Giấy xác nhận thuộc đối tượng do cơ quan quản lý đối tượng người có công và UBND xã xác nhận.
- Bản sao hộ khẩu (có công chứng);
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 2: Sinh viên mồ côi không có nguồn nuôi dưỡng**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Quyết định trợ cấp xã hội của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 3: Sinh viên bị tàn tật, khuyết tật thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Kết luận của Hội đồng xét duyệt trợ cấp xã hội cấp xã (Mẫu số 01-Thông tư 26/2012/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2012).
- Bản sao sổ hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2016 (có công chứng).
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 4: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao trích lục giấy khai sinh hoặc chứng nhận dân tộc thiểu số;
- Bản sao sổ hộ khẩu (có công chứng);
- Bản sao giấy chứng nhận hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo năm 2016 (có công chứng);
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 5: Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số rất ít người;
- Bản sao sổ hộ khẩu (có công chứng);
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 6: Sinh viên là người dân tộc thiểu số người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao trích lục giấy khai sinh hoặc giấy chứng nhận dân tộc thiểu số;
- Bản sao sổ hộ khẩu (có công chứng);
- Đơn cam kết (theo mẫu).

**Đối tượng 7: Sinh viên là con cán bộ, công nhân, viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.**

- Đơn đề nghị miễn giảm học phí (theo mẫu);
- Bản sao trích lục giấy khai sinh;



- Bản sao sổ hưởng trợ cấp hàng tháng của bố/mẹ do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp do tai nạn lao động (có công chứng).
- Đơn cam kết (theo mẫu).

### III. Quy định về miễn giảm học phí:

- Việc miễn, giảm học phí cho SV được thực hiện tại trường nơi SV đang học tập. Nhà nước thực hiện cấp bù học phí trực tiếp cho nhà trường để nhà trường thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho SV thuộc đối tượng quy định và được cấp 10 tháng/năm (5 tháng/HK).
- Tất cả các đối tượng được hưởng miễn giảm học phí chỉ làm hồ sơ một lần trong suốt khóa học, sinh viên chỉ làm lại hồ sơ khi có thay đổi về đối tượng, phạm vi áp dụng. **Riêng đối tượng sinh viên thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm phải nộp bổ sung giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để làm căn cứ, xem xét MGHP cho học kỳ tiếp theo.**
- SV thuộc diện được miễn, giảm học phí mà cùng một lúc học ở nhiều trường (hoặc nhiều khoa trong cùng một trường) thì chỉ được hưởng chế độ ưu đãi về miễn, giảm học phí tại một trường duy nhất.
- Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với SV thuộc diện được miễn, giảm trong trường hợp đã hưởng chế độ này tại một cơ sở đào tạo, nay tiếp tục học thêm ở một cơ sở đào tạo khác cùng cấp và trình độ đào tạo.
- Chỉ áp dụng chế độ miễn, giảm học phí đối với 2 học kỳ chính, không áp dụng học kỳ hè, học kỳ dự thính (nếu có).

### IV. Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ (kể cả nộp bổ sung):

- Thời gian: từ ngày ra hướng dẫn đến 16 giờ 30 ngày 21/10/2016.
- Địa điểm: Phòng Công tác Sinh viên (A.101)
- Sinh viên có thắc mắc liên hệ Chị Vi (phòng A.101) hoặc email: [ctsv@uit.edu.vn](mailto:ctsv@uit.edu.vn)

### V. Những lưu ý:

- Sinh viên tham khảo các quyết định quy định vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn tại trang web: <http://ctsv.uit.edu.vn>
- Mẫu đơn xin miễn giảm học phí SV tải trên trang web: <http://ctsv.uit.edu.vn>
- Sinh viên cần phải thực hiện đầy đủ hồ sơ đúng thời hạn qui định để đảm bảo quyền lợi của mình./

#### Nơi nhận:

- Ban Giám Hiệu (báo cáo);
- Phòng KHTC (ph/h thực hiện);
- Các khoa, Bộ môn (thông báo);
- Cố vấn học tập (thông báo);
- Sinh viên (thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.

KT.HIỆU TRƯỜNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Vũ Đức Lung

HỒ CHÍ MINH